



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 07, THÁNG 03/ 2021

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM



Tổ chức thương mại thế giới, hiệp định TBT/SPS của WTO và luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam



EU thông báo liên quan đến việc cho phép chiết xuất chất giàu LUTEIN và LUTEIN/ZEA-XANTHIN từ TAG-ETES ERECTA làm phụ gia thức ăn cho gia cầm



Úc thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đốt (KHAPRA)



Đài Loan - Trung Quốc: Dự thảo "Quy định cho phép nhập khẩu các mặt hàng được chỉ định thuộc diện kiểm định"



Nam Phi thông báo việc sử dụng giấy in A4 thông thường khi cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật



Úc: khởi động luật xuất khẩu nông sản mới

BẢN TIN SPS VIỆT NAM

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Nguyễn Quốc Chính

KS. Nguyễn Tử Cường

ThS. Trần Thùy Dung

TS. Nguyễn Thu Hồng

ThS. Trần Diễm Hồng

KS. Lê Anh Ngọc

ThS. Trần Thị Tú Oanh

PGS. TS. Nguyễn Anh Thu

ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: www.spsvietnam.gov.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 19/GP-XBBT ngày 12/3/2020

của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

CHUYÊN MỤC

THÔNG TIN - HOẠT ĐỘNG

- Tổ chức thương mại thế giới: Hiệp định TBT/SPS của WTO và luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. **3**
- Cuộc họp trao đổi kỹ thuật về việc thực thi các cam kết SPS của hiệp định EVFTA. **8**

Ý KIẾN - TRAO ĐỔI

- Hiểu biết về biện pháp kỹ thuật trong thương mại sẽ mang lại gì cho doanh nghiệp, kinh nghiệm ứng phó khi gặp phải hàng rào, biện pháp kỹ thuật của Trung Quốc. **11**
- Các biện pháp kỹ thuật trong thương mại của khối ASEAN - Trung Quốc gia tăng đáng kể năm 2020. **14**
- EU thông báo liên quan đến việc cho phép chiết xuất chất giàu lutein và lutein/zeaxanthin từ tagetes erecta làm phụ gia thức ăn cho gia cầm. **16**
- Nhật Bản đưa ra thông báo về việc cho phép copolymer từ vinylimidazole/vinylpyrrolidone làm phụ gia thực phẩm. **17**
- Úc thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đốt (khapra). **19**
- Đài Loan - Trung Quốc: Dự thảo “quy định cho phép nhập khẩu các mặt hàng được chỉ định thuộc diện kiểm dịch”. **17**
- Canada đề xuất mức giới hạn tối đa dư lượng: Spinosad và Novaluron. **22**
- Nam Phi thông báo việc sử dụng giấy in A4 thông thường khi cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. **23**
- Úc khởi động luật xuất khẩu nông sản mới. **24**

VĂN BẢN MỚI

Dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 3/2021

25

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI; HIỆP ĐỊNH TBT/SPS CỦA WTO VÀ LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Tử Cường

Trưởng ban Phát triển thủy sản bền vững, Hội nghề cá Việt Nam

1. Tổ chức Thương mại thế giới - WTO

1.1. Vài nét về WTO

WTO thành lập ngày 1 tháng 1 năm 1994 trên cơ sở nâng cấp Tổ chức Hiệp ước Thuế quan và Thương mại (GATT), tại thời điểm thành lập, WTO có 125 quốc gia thành viên.

Để điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động, WTO đã ban hành trên 30 hiệp định, trong đó liên quan trực tiếp đến thương mại có 5 hiệp định là:

TT	Viết tắt	Tên Hiệp định	
		Tiếng Anh	Tiếng Việt
1.	GATT	General Agreements on Tariff and Trade	Hiệp định chung về Thuế quan và thương mại
2.	GATS	General Agreement on Trade in Services	Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ
3.	TRIPS	Trade-Related aspects of Intellectual Property Rights	Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ
4.	TBT	Technical Barriers to Trade	Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại
5.	SPS	Sanitary and Phytosanitary	Hiệp định về rào cản an toàn thực phẩm và rào cản an toàn bệnh dịch động thực vật
3.3	Cyanogen	Củ sắn, măng	Nội độc tố

Đối với hàng hóa là thực phẩm thì Hiệp định TBT và Hiệp định SPS là quan trọng nhất và liên quan trực tiếp trong suốt quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển và lưu thông đến người sử dụng.

2. Hiệp định TBT và Hiệp định SPS của WTO

2.1. Hiệp định rào cản kỹ thuật trong thương mại-TBT

TBT là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh: Technical Barriers to Trade

2.1.1. Nội dung của Hiệp định

a. Hiệp định TBT gồm 15 điều, đề cập đến các vấn đề:

- Soạn thảo, ban hành và áp dụng văn bản Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Quy trình đánh giá sự phù hợp;
- Nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau;
- Trợ giúp kỹ thuật;
- Đối xử đặc biệt và khác biệt đối với những nước thành viên đang phát triển;
- Tham vấn và giải quyết tranh chấp.

b. Hiệp định TBT có ba phụ lục là:

- Thuật ngữ và định nghĩa,
- Các nhóm chuyên gia kỹ thuật,
- Công nhận và áp dụng các tiêu chuẩn về qui định chung.

2.1.2. Các lĩnh vực điều chỉnh của TBT đối với thực phẩm

- Tính khả dụng (chất lượng và dinh dưỡng)
 - Tính trung thực kinh tế (không gian lận trong thương mại)
- Nguyên tắc xây dựng và công bố TBT
- Nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau về nội dung TBT

2.1.3. Nhận xét về Hiệp định TBT

- TBT không quy định nội dung liên quan đến chữ AN (An toàn thực phẩm; An toàn sức khỏe động và thực vật; An toàn lao động; An ninh quốc phòng ...)

- TBT không bắt buộc áp dụng, do vậy các quốc gia, các doanh nghiệp sẽ xem xét thừa nhận nội dung TBT của nhau.

- TBT tương đương với “Tiêu chuẩn” trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam

2.2. Hiệp định SPS của tổ chức thương mại thế giới -WTO

SPS là chữ viết tắt từ cụm từ tiếng Anh: Sanitary and PhytoSanitary Measures, nhưng nội dung điều chỉnh của SPS gồm An toàn thực phẩm và An toàn bệnh, dịch động, thực vật

2.2.1. Nội dung của Hiệp định SPS

a. Nội dung của Hiệp định SPS bao gồm 14 điều đề cập đến các vấn đề:

Quy định nguyên tắc xác định các chỉ tiêu, yêu cầu về mức giới hạn an toàn thực phẩm và an toàn bệnh, dịch động, thực vật

Yêu cầu các biện pháp kiểm soát an toàn thực phẩm và an toàn bệnh, dịch động, thực vật và sản phẩm từ động, thực vật trong thương mại quốc tế.

Trong quan hệ thương mại quốc tế, SPS quy định phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Tự do
- Công khai
- Minh bạch (khách quan)
- Công bằng
- Hòa hòa

2.2.2. Các lĩnh vực điều chỉnh của SPS

TT	Lĩnh vực điều chỉnh	Nội dung kiểm soát
1.	An toàn thực phẩm	1.1 Mối nguy vật lý 1.2 Mối nguy hóa học 1.3 Mối nguy sinh học
2.	An toàn bệnh dịch động, thực vật	2.1 Mối nguy virus 2.2 Mối nguy vi khuẩn 2.3 Mối nguy nấm mốc 2.4 Mối nguy ký sinh trùng 2.5. Mối nguy côn trùng gây hại
3.	An toàn môi trường và môi sinh	3.1 Không hủy diệt động vật hoang dã trong sách đỏ 3.2 Không khai thác động, thực vật hoang dã quá mức 3.3 Không hủy hoại môi trường sống của động, thực vật hoang dã 3.4 Đảm bảo quyền của động vật 3.5 Đảm bảo môi trường sống tốt cho động và thực vật
4.	An toàn lao động	4.1 Không sử dụng lao động trẻ em 4.2 Đảm bảo quyền của người lao động 4.3 Đảm bảo an toàn cho người lao động

2.2.3. Nhận xét về Hiệp định SPS

- SPS chỉ quy định những nội dung liên quan đến chữ AN (An toàn thực phẩm; An toàn sức khỏe động, thực vật; An toàn môi trường; An sinh xã hội...)

- SPS được các quốc gia thành viên tham gia Hiệp định xây dựng và khi đạt được sự đồng thuận thì Ủy ban CODEX công bố và bắt buộc áp dụng cho tất cả các quốc gia thành viên;

- SPS do một quốc gia công bố cũng bắt buộc áp dụng với các quốc gia có quan hệ giao thương với quốc gia này.

- SPS tương đương với “Quy chuẩn kỹ thuật” trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam

3. So sánh TBT, SPS và Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam

3.1. Xuất xứ của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam

a. Sự ra đời của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam

Tháng 6/1994. Việt Nam nộp đơn xin gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế-WTO, nhưng mãi đến 11/1/2007 chúng ta mới được kết nạp là thành viên thứ 150 của tổ chức này.

Sở dĩ thời gian lâu như vậy là vì quốc gia xin gia nhập WTO phải thực hiện 3 điều kiện cơ bản:

i). Hệ thống văn bản pháp quy của nước xin gia nhập phải tương đương với quy định của Hiệp định cùng loại của WTO;

ii). Các dòng thuế cho sản phẩm nhập khẩu vào quốc gia xin gia nhập phải ngang bằng với các dòng thuế quy định trong Hiệp định về thuế của WTO;

iii). Đàm phán song phương với các quốc gia đã là thành viên của WTO (khi các quốc gia này có yêu cầu đàm phán).

Đây cũng là lý do vì sao chúng ta phải xây dựng và ban hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, 2006 để thay thế Pháp lệnh chất lượng sản phẩm hàng hóa, nhằm đảm bảo tính tương thích với Hiệp định TBT và Hiệp định SPS của WTO.

b. So sánh những chỉ tiêu cơ bản của TBT và SPS với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam:

WTO (Hiệp TBT và Hiệp định SPS)		Hiệp định TBT	Hiệp định SPS
		Về rào cản kỹ thuật trong thương mại	Về rào cản An toàn thực phẩm và An toàn bệnh. dịch động, thực vật
Việt Nam (Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, 2006)		Tiêu chuẩn kỹ thuật Quy định về sản phẩm, quá trình, lĩnh vực nhưng không bao gồm nội dung liên quan tới “AN”	Quy chuẩn kỹ thuật Chỉ qui định những nội dung liên quan tới chữ “AN” i). An toàn thực phẩm ii) An toàn bệnh, dịch động thực, vật iii) An toàn môi trường...
1.	Cơ quan ban hành	Tổ chức và cá nhân xây dựng và công bố	i). Bộ trưởng chuyên ngành. ii) Chủ tịch UBND tỉnh ban hành cho những sản phẩm đặc thù của địa phương.
2.	Tính pháp lý	Khuyến khích áp dụng	Bắt buộc áp dụng
3.	Kiểm tra và kiểm soát	i). Trên lô hàng thành phẩm ii). Lấy mẫu đại diện để kiểm tra iii). Hậu kiểm	i). Kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất theo nguyên lý phòng ngừa - HACCP ii). Nhận diện mối nguy dựa trên nguyên lý đánh giá nguy cơ (RA) iii). Tiền kiểm

4.	Cơ quan kiểm soát	i). Nhà sản xuất và nhà tiêu thụ sản phẩm thỏa thuận với nhau thông qua hợp đồng. ii) Nhà nước làm trọng tài khi xảy ra tranh chấp.	i). Hàng xuất khẩu: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước nhập khẩu làm việc với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước xuất khẩu. ii). Hàng tiêu thụ trong nước: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, kiểm soát.
5.	Biện pháp xử lý nếu lô hàng thực phẩm không đạt	Khách hàng khiếu nại với nhà sản xuất: Không đạt yêu cầu thì làm lại cho đúng/ đòi giảm giá/ đòi bồi thường	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và phát hiện không đạt chỉ tiêu an toàn thì: i). Lỗi nhẹ: Trả lô hàng về nước (nếu là hàng xuất khẩu). Hoặc yêu cầu tái chế nếu là hàng tiêu thụ trong nước. ii). Lỗi nặng: Tịch thu để tiêu hủy lô hàng.

3.2. Điểm khác biệt cốt lõi giữa Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật

- Tiêu chuẩn kỹ thuật, tương ứng TBT:

Quy định tất cả các chỉ tiêu liên quan đến quá trình, quy trình và sản phẩm, nhưng không quy định những nội dung liên quan đến chữ AN. Ví dụ đối với thực phẩm tiêu chuẩn quy định về tính khả dụng; tính kinh tế; hoặc ghi nhãn v.v...Nếu những chỉ tiêu này không đạt thì người mua sẽ bị thiệt hại về kinh tế.

Do vậy hầu hết các nước để nhóm chỉ tiêu này cho nhà sản xuất và người tiêu dùng quan hệ với nhau qua hợp động kinh tế và áp dụng chế độ Hậu kiểm (ví dụ hàng nhập khẩu thì cho hàng vào nơi tập kết, thậm chí là cho tiêu thụ rồi lấy mẫu kiểm tra). Nhà nước sẽ chỉ can thiệp khi có tranh chấp.

- Quy chuẩn kỹ thuật, tương ứng với SPS:

Trong thực phẩm, Quy chuẩn kỹ thuật chỉ quy định những nội dung liên quan đến các chỉ tiêu liên quan chữ AN trong quá trình, quy trình và sản phẩm (ví dụ an toàn thực phẩm, an toàn bệnh, dịch...). Nếu lô hàng không đạt nội dung liên quan đến chữ AN thì nhẹ là bị bệnh, nặng thì mất mạng.

Do vậy cấp ban hành phải là Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong suốt quá trình sản xuất phải áp dụng nguyên lý phòng ngừa các mối nguy liên quan tới chữ An.

Cơ quan nhà nước phải trực tiếp kiểm soát theo chế độ Tiền kiểm (không thể để thực phẩm không an toàn mà cứ đem nấu cho người ăn và khi họ phải đi bệnh Viện chữa trị thì mới lấy mẫu thực phẩm để kiểm tra xem chúng có chứa những mối nguy gì ?).

Nói rộng hơn là phải nhận diện mối nguy dẫn tới mất nước để áp dụng các biện pháp phòng ngừa để mối nguy đó không xảy ra, chứ không chờ đến lúc mất nước rồi mới đi xem lý do vì sao mất nước!

CUỘC HỌP TRAO ĐỔI KỸ THUẬT VỀ VIỆC THỰC THI CÁC CAM KẾT SPS CỦA HIỆP ĐỊNH EVFTA

ThS. Trần Thùy Dung
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 25/3/2021, với vai trò là cơ quan đầu mối quốc gia về việc thực thi các cam kết SPS trong Hiệp định EVFTA, Văn phòng SPS Việt Nam đã chủ trì tổ chức cuộc họp giữa các Bên liên quan về các nội dung trong quá trình thực thi cam kết SPS của Hiệp định này. Mục đích của cuộc họp là nhằm giải đáp các thắc mắc của các nước thành viên EU về thủ tục nhập khẩu hàng nông sản vào Việt Nam, cũng như chia sẻ các thông tin cụ thể hơn về các

khái niệm cam kết mới được đề cập trong các điều khoản của Chương 6 về SPS như khái niệm “Pre-listing”, “Single Entity” và “Regionalization”. Đến tham dự cuộc họp này có đại diện đến từ các Đại sứ quán các nước thành viên Liên minh Châu Âu, đại diện của Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam cùng đại diện các Cục, đơn vị chức năng và cơ quan chuyên môn thuộc Mạng lưới hỗ trợ kỹ thuật SPS Việt Nam tại các Bộ, ngành.



(Ảnh: Trần Thùy Dung)

Chủ trì cuộc họp, ông Lê Thanh Hòa, Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam đã thông tin cho các đại biểu về Kế hoạch thực hiện các cam kết trong Chương 6 về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch, động thực vật (SPS) của Hiệp định EVFTA nói trên theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 01/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kế hoạch hành động này xác

định rõ mục tiêu, các nhiệm vụ chủ yếu và các Bộ, ngành có liên quan trong việc thực hiện với lộ trình cụ thể. Trong đó, các nhiệm vụ chủ yếu bao gồm 3 nhóm chính: công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Cam kết SPS trong Hiệp định EVFTA và thị trường của các nước EU; công tác xây dựng pháp luật, thể chế; tăng cường quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm theo đúng quy định của EU.



(Ảnh: Trần Thùy Dung)

Các cam kết về Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm định động thực vật (SPS) tại Chương 6 của Hiệp định EVFTA được đánh giá là các cam kết rất sâu rộng và mới mẻ. Việt Nam và EU đạt được thỏa thuận về một số nguyên tắc về SPS nhằm tạo điều kiện cho hoạt động thương mại đối với các sản phẩm động vật, thực vật. Đầu mối quốc gia phía Việt Nam là Văn phòng SPS Việt Nam,

đặt tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với vai trò điều phối việc thực thi các cam kết SPS giữa các Bộ, ngành có liên quan. Phía EU có đầu mối là Ủy ban Châu Âu, chịu trách nhiệm về phối hợp chung, kiểm tra/thanh tra hệ thống kiểm soát và hệ thống pháp luật liên quan của các nước thành viên nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong toàn thị trường EU.

Trong cuộc họp này, ông Carsten Schitteck, Tham tán, Trưởng ban Thương mại, Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam đã chia sẻ mối quan tâm về việc thực hiện các cam kết này trong thực tế, những khó khăn và thách thức cũng như đánh giá cao sự hợp tác của phía Việt Nam trong việc hiện thực hóa các cam kết SPS của Hiệp định EVFTA.



(Ảnh: Trần Thùy Dung)

Trong lộ trình thực hiện các cam kết SPS này, hai Bên đã trao đổi về nhiều khái niệm thực thi rất mới mẻ đối với Việt Nam, đặc biệt về các khái niệm Single Entity, Pre-listing và Regionalization là các vấn đề rất kỹ thuật và đòi hỏi sự tin tưởng giữa cơ quan Chính phủ của hai Bên. Bên cạnh đó, hai Bên

cũng bày tỏ sự ủng hộ và nhấn mạnh tính cần thiết xây dựng một hệ thống database về yêu cầu, quy trình, thủ tục xuất nhập khẩu liên quan đến SPS giữa hai Bên nhằm tăng cường tính minh bạch hóa thông tin, đơn giản hóa thủ tục và tạo thuận lợi cho thương mại hai chiều nhằm tận dụng tối đa mọi lợi ích mà Hiệp định này mang lại.

Một số thông tin về Kế hoạch của Việt Nam nhằm thực hiện cam kết về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) trong Hiệp định EVFTA :

Thực hiện Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 06/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Văn phòng SPS Việt Nam được chỉ định là đầu mối quốc gia trong việc thực thi các cam kết về an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) của Việt Nam.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch thực hiện các cam kết trong Chương 6 về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch, động thực vật (SPS) của Hiệp định EVFTA nói trên theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 01/12/2020.

Theo các cam kết tại Chương 6 của Hiệp định EVFTA, hai Bên sẽ thống nhất xây dựng Ủy ban các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động, thực vật. Ủy ban SPS bao gồm đại diện các cơ quan chức năng của các Bên. Tất cả các quyết định của Ủy ban SPS sẽ dựa trên cơ sở đồng thuận. Ủy ban SPS có thể đề xuất lên Ủy ban Thương mại thành lập các nhóm công tác để xác định và xử lý các vấn đề kỹ thuật và khoa học phát sinh từ Chương này và tìm kiếm cơ hội để tăng cường hợp tác về các vấn đề an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật mà hai Bên cùng quan tâm. Ủy ban SPS có thể xử lý bất cứ vấn đề nào liên quan đến việc thực thi hiệu quả Chương



này, bao gồm tạo thuận lợi cho việc liên lạc và tăng cường hợp tác giữa các Bên. Cụ thể, Ủy ban sẽ có những chức năng và nhiệm vụ sau:

- (a) thiết lập các thủ tục hoặc sắp xếp cần thiết để thực hiện Chương này;
- (b) giám sát tiến độ thực hiện Chương này;
- (c) tạo một diễn đàn để thảo luận các vấn đề phát sinh từ việc áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật nhất định nhằm đạt được các giải pháp hai Bên có thể chấp nhận được và nhanh chóng xử lý bất kỳ vấn đề nào có thể tạo những trở ngại không cần thiết cho thương mại giữa các Bên;
- (d) là một diễn đàn trao đổi thông tin, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm về các vấn đề an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật;
- (e) xác định, khởi động và rà soát các dự án và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật giữa các Bên; và
- (f) bất cứ chức năng nào khác do các Bên cùng thống nhất.



HIỂU BIẾT VỀ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI SẼ MANG LẠI GÌ CHO DOANH NGHIỆP, KINH NGHIỆM ỨNG PHÓ KHI GẶP PHẢI HÀNG RÀO, BIỆN PHÁP KỸ THUẬT CỦA TRUNG QUỐC

ThS. Vũ Thị Hải Yến
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 11 tháng 12 năm 2001, Trung Quốc chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và trở thành thành viên thứ 143 của WTO. Trong hơn 19 năm qua, với lý do nhằm giữ gìn an ninh quốc gia, bảo vệ an toàn sức khỏe con người và sức khỏe của động, thực vật, bảo vệ môi trường, phòng ngừa gian lận thương mại các biện pháp kỹ thuật trong thương mại được tiến hành thông qua quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy trình đánh giá sự phù hợp, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật, vượt qua các rào cản và biện pháp kỹ thuật trong thương mại được triển khai cũng đã trở thành một bài toán khó mà doanh nghiệp Trung Quốc không thể tránh khỏi khi ngành sản xuất của họ không

ngừng vươn ra thị trường quốc tế.

1. Doanh nghiệp tại sao cần coi trọng các biện pháp kỹ thuật trong thương mại. Là thành viên WTO, việc tuân thủ các biện pháp thương mại kỹ thuật theo Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) và Hiệp định về thực hiện các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (Hiệp định SPS) để xây dựng các quy định, tiêu chuẩn, chứng nhận và các biện pháp khác trong thương mại, đây là “điều kiện tiên quyết” mà sản phẩm của một doanh nghiệp phải tuân theo khi muốn gia nhập vào thị trường của một quốc gia khác. Chỉ khi sản phẩm đã được kiểm tra, thử nghiệm, kiểm dịch, đăng ký và qua giám sát, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của một

quốc gia về an toàn, sức khỏe, bảo vệ môi trường và chất lượng cũng như đạt được các chứng nhận liên quan, thì sản phẩm mới có thể được tiêu thụ tại thị trường của quốc gia đó

2. Doanh nghiệp tổn thất gì nếu bỏ qua các biện pháp kỹ thuật trong thương mại?. Tác động của các biện pháp kỹ thuật trong thương mại đối với doanh nghiệp chủ yếu thể hiện ở hai khía cạnh, một là gây ra các tổn thất trực tiếp, ví như không đáp ứng các yêu cầu của các biện pháp thương mại kỹ thuật của nước nhập khẩu, sản phẩm của công ty có thể bị tịch thu, thu hồi, tiêu hủy và trả hàng, gây thiệt hại trực tiếp. Nguyên do không tuân thủ tiêu chuẩn giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật của nước nhập khẩu sản phẩm của công ty bị tịch thu và/hoặc trả lại sẽ gây thiệt hại kinh tế. Hai là làm tăng chi phí sản phẩm, để đáp ứng các yêu cầu của các biện pháp kỹ thuật trong thương mại, doanh nghiệp buộc phải thực hiện cải tiến công nghệ, thay thế nhãn mác, bao bì, tăng thêm các khâu kiểm nghiệm, kiểm dịch, chứng nhận nhiều khâu thủ tục khác nhau, dẫn đến phát sinh thêm một lượng lớn chi phí. Ví dụ, các yêu cầu điều kiện về bao bì đóng gói là một trong những biện pháp phổ biến được đưa ra bởi các nước nhập khẩu. Năm 2019, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thực hiện một cuộc khảo sát cho thấy khoảng 19,68% doanh nghiệp xuất khẩu nước này bị ảnh hưởng bởi các biện pháp kỹ thuật trong thương mại, thiệt hại trực tiếp do trả lại, tiêu hủy, giảm cấp sản phẩm hoặc mất đơn đặt hàng lên tới 69,208 tỷ nhân dân tệ; tổn thất do các yêu cầu về công nghệ, nâng cấp, kiểm tra và chứng nhận, v.v., làm tăng chi phí là 16,144 tỷ nhân dân tệ.

3. Các biện pháp kỹ thuật trong thương mại mà doanh nghiệp trong lĩnh vực nông sản, thực phẩm phải đối mặt có thể kể đến như:

- Yêu cầu về đăng ký đối với cơ sở nuôi, trồng, nhà máy chế biến, nhà kho bảo quản
- Yêu cầu về bệnh động vật
- Yêu cầu về bệnh hại cây trồng, côn trùng gây hại và cỏ dại
- Yêu cầu đối với giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ

thực vật, thuốc thú y trong thực phẩm

- Yêu cầu về chỉ số vi sinh thực phẩm
- Yêu cầu về phụ gia thực phẩm
- Yêu cầu về giới hạn đối với các chất độc hại như kim loại nặng trong thực phẩm
- Yêu cầu về vật liệu tiếp xúc thực phẩm
- Yêu cầu về ghi nhãn thực phẩm
- Yêu cầu về bao bì bằng gỗ
- Yêu cầu đối với chất gây dị ứng trong thực phẩm và mỹ phẩm

4. Khi gặp vấn đề các biện pháp kỹ thuật trong thương mại thì nên làm gì?

i. Kịp thời tư vấn khi nội dung không rõ ràng, minh bạch

Thực hiện nghĩa vụ minh bạch hóa khi là thành viên WTO, Trung tâm Thông báo và Tư vấn Quốc gia WTO/TBT-SPS của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẽ đại diện thống nhất cho các cơ quan chính phủ, các hiệp hội ngành, doanh nghiệp và cá nhân của Trung Quốc thực hiện tham vấn, thông báo và đưa ý kiến đến các thành viên WTO khác. Khi doanh nghiệp gặp các vướng mắc như thời gian thực hiện các biện pháp kỹ thuật trong thương mại không rõ ràng, quy định chi tiết không rõ, không kiểm tra được cũng như không thể thông qua các nguồn khác để có được thông tin chính xác thì doanh nghiệp trực tiếp phản ánh với Hải quan địa phương, thông qua Vụ Hợp tác Quốc tế của Tổng cục Hải quan hoặc Trung tâm thông báo và tư vấn quốc gia WTO/TBT-SPS nước này để thực hiện tham vấn với bên ngoài.

Năm 2020, theo phản ánh của doanh nghiệp, Hàn Quốc đối với ớt giống xuất khẩu của Trung Quốc yêu cầu kiểm nghiệm 06 loại vi sinh vật gây bệnh trước khi xuất khẩu sang Hàn Quốc, Hàn Quốc tiến hành lấy mẫu và xét nghiệm đối với 06 loại vi sinh vật gây bệnh này khi nhập khẩu ớt giống Trung Quốc nhưng lại không yêu cầu ghi chú kết quả kiểm tra trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Trên cơ sở kiểm tra xác nhận trước đó Hàn Quốc chưa thông báo cho WTO về biện pháp này,

Hải quan Tế Nam đã tổ chức cho các doanh nghiệp và cơ quan nghiên cứu thu thập về luật và quy định hiện hành của Hàn Quốc, thông qua phân tích, so sánh và đưa ra các đề xuất các ý kiến, sau đó thông qua Vụ Hợp tác quốc tế Tổng cục Hải quan đối với bên ngoài tham vấn, đốc thúc thành công Hàn Quốc làm rõ nội dung về danh mục, phương pháp kiểm dịch và tiêu chuẩn đánh giá.

ii. Tích cực tham vấn các biện pháp mới thông báo và chưa thực hiện.

Theo quy định về nghĩa vụ minh bạch hóa của WTO, các thành viên WTO khi xây dựng, sửa đổi và thực hiện các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp và các biện pháp kỹ thuật khác trong thương mại phải thông báo cho các thành viên WTO khác và cho các thành viên khác một thời gian hợp lý (thường là 60 ngày) để gửi ý kiến bằng văn bản, và trả lời để đảm bảo rằng các thành viên khác kịp thời hiểu và có biện pháp thích ứng với những thay đổi này. Theo đó khi doanh nghiệp gặp phải các biện pháp kỹ thuật mới trong thương mại nhưng chưa được thực hiện theo thông báo và cho rằng có những yêu cầu bất hợp lý, phản khoa học gây ảnh hưởng xấu đến xuất khẩu của mình, doanh nghiệp có thể gửi ý kiến đến Hải quan địa phương, và tích cực tham gia ý kiến với các cơ quan thuộc Tổng cục Hải quan tổ chức, qua đó có thể yêu cầu nước ngoài trì hoãn các đề xuất về việc thay đổi hoặc thậm chí hủy bỏ việc thực hiện các biện pháp liên quan để bảo vệ lợi ích của mình

iii. Quan tâm đến các biện pháp sắp/đã thực hiện

WTO có hai ủy ban là TBT và SPS. Các ủy ban nói trên tổ chức ba cuộc họp thường kỳ mỗi năm. Tại các cuộc họp thường kỳ, các thành viên có thể đưa ra những quan ngại đặc biệt về thương mại đối với các biện pháp và thông lệ mà các thành viên WTO khác dự định thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng không tuân thủ các nguyên tắc của Hiệp định TBT và SPS, và gây ra những trở ngại không cần thiết cho thương mại, và kêu gọi các thành viên khác quan tâm đến các biện pháp liên quan. Tiến hành làm rõ, sửa đổi, bãi bỏ, hoãn thi hành,

v.v. để cùng bảo vệ lợi ích của các thành viên WTO. Trước mỗi kỳ họp ủy ban WTO/TBT và SPS, theo yêu cầu của Vụ hợp tác quốc tế Tổng cục Hải quan Trung Quốc, Hải quan địa phương sẽ thu thập thông tin về tình hình các vướng mắc đối với các biện pháp kỹ thuật trong thương mại mà doanh nghiệp gặp phải. Khi doanh nghiệp gặp vướng mắc về các biện pháp kỹ thuật trong thương mại trong triển khai, thực hiện thì có thể báo cáo Hải quan địa phương, tích cực tham gia các hội thảo ngành do Tổng cục hải quan tổ chức, đưa ra các yêu cầu, ý kiến để Vụ Hợp tác Quốc tế Tổng cục Hải quan Trung Quốc tích cực thúc đẩy giải quyết vấn đề thông qua các cơ chế hợp tác quốc tế.

Vào tháng 6 năm 2020, các doanh nghiệp Trung Quốc phản ánh về việc Thái Lan ban hành quy định mới về kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, yêu cầu các lô rau quả tươi khi xuất khẩu sang nước này cần kiểm nghiệm theo tới 134 loại dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, các sản phẩm rau quả của nước này đối mặt với nguy cơ đình trệ khi xuất khẩu vào Thái Lan, ngay lập tức Hải quan Tế Nam tiến hành tức thu thập các quy định mới của Thái Lan và tổ chức chuyên gia kỹ thuật của Hải Quan tiến hành nghiên cứu, phân tích trên các phương diện danh mục thử nghiệm, tần suất cũng như phạm vi thử nghiệm, đồng thời nêu ra những lo ngại về thương mại. Vụ Hợp tác quốc tế của Tổng cục Hải quan thông qua nhiều cách thức và nhiều cuộc họp ngoại giao giữa hai bên đã thúc đẩy Thái Lan điều chỉnh các biện pháp kiểm soát ở mức hợp lý đối với rau quả tươi nhập khẩu, theo đó điều chỉnh giảm các hạng mục kiểm tra và chi phí kiểm tra doanh nghiệp lần lượt là 866% và 80%, tiết kiệm cho các doanh nghiệp Trung Quốc chi phí kiểm tra trung bình hàng năm hơn 3,6 tỷ nhân dân tệ. Rút ngắn thời gian lưu giữ hàng hóa tại cảng còn 5-7 ngày làm việc, bảo đảm xuất khẩu rau quả tươi sang Thái Lan hàng năm thu về khoảng 10 tỷ nhân dân tệ.

Nguồn: Trung tâm NCQCKT và TCKTKD Quốc tế, Trung tâm thông báo và tư vấn WTO/TBT-SPS Trung Quốc, Hải quan Trung Quốc

CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI CỦA KHỐI ASEAN - TRUNG QUỐC GIA TĂNG ĐÁNG KỂ NĂM 2020



ThS. Vũ Thị Hải Yến
Văn phòng SPS Việt Nam

Năm 2020, ASEAN trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc, và ngược lại nước này cũng là đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN. Nhằm từng bước cung cấp nhiều hơn nữa các thông tin và dịch vụ tư vấn về các biện pháp mang tính kỹ thuật trong thương mại của các nước ASEAN cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Trung Quốc, Trung tâm Nghiên cứu điều tra về các biện pháp kỹ thuật trong thương mại (ASEAN) đã tiến hành nghiên cứu và phân tích thông báo các nước ASEAN trong năm 2020.



Theo thống kê của mạng lưới thông báo và tham vấn WTO/TBT-SPS của Trung Quốc, năm 2020, các nước ASEAN đã ban hành 293 thông báo về các biện pháp thương mại kỹ thuật thông qua hệ thống thông báo của WTO, lập mức cao kỷ lục, tăng 44,33% so với năm 2019 (hình ảnh bên dưới). Trong số đó, 129 thông báo TBT và 164 thông báo SPS. Chi tiết như sau:

Tình hình thông báo SPS

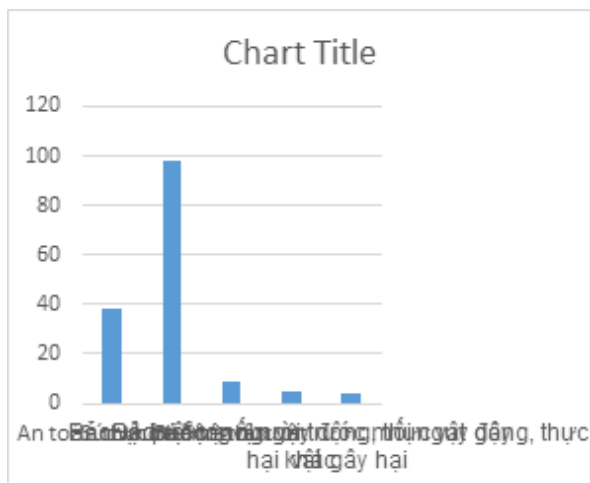
(1) Về số lượng thông báo. Năm 2020, 7 quốc gia thành viên của các nước ASEAN đã đệ trình 164 thông báo SPS lên WTO (Hình 2-1), bao

gồm 41 thông báo thường xuyên, 96 thông báo khẩn cấp và 27 bản sửa đổi, tăng 44,3% so với cùng kỳ năm trước. Và đáng nói là tổng số thông báo của riêng Thái Lan và Philippines đã chiếm tới 78,7% tổng số thông báo SPS từ các nước ASEAN.

Đơn vị: Thông báo

Quốc gia	Thông báo	Thông báo khẩn	Thông báo sửa đổi	Tổng kết
Brunei	0	0	0	0
Campuchia	0	0	0	0
Indonexia	5	3	1	9
Lào	0	0	0	0
Malaixia	4	0	0	4
Mianma	6	1	0	7
Philippin	4	27	18	49
Singapo	5	1	1	7
Thái Lan	11	64	5	80
Việt Nam	6	0	2	8

(2) Lĩnh vực thông báo. Xét sự phân bố của biện pháp thường xuyên và khẩn cấp trong ba lĩnh vực chính của SPS, các biện pháp liên quan đến sức khỏe động vật là nhiều nhất, với 98 biện pháp, 38 biện pháp liên quan đến an toàn thực phẩm và 9 biện pháp liên quan đến bảo vệ thực vật, bảo vệ con người khỏi các loài có hại động vật, thực vật, 5 biện pháp và 4 biện pháp để bảo vệ con người khỏi những nguy cơ khác từ sinh vật gây hại (Hình 2-2).



Hình 2-2.2020 lĩnh vực thông báo SPS của các nước ASEAN

Nội dung thông báo SPS.

Thông qua phân tích các cột “sản phẩm liên quan” và “trích yếu nội dung” trong các biện pháp thông thường (bao gồm cả sửa đổi), thấy rằng trong số các biện pháp được các nước ASEAN thông báo vào năm 2020 bao gồm.

i. Nhiều nhất là lĩnh vực an toàn thực phẩm gồm các quy định kỹ thuật của quốc gia, các lệnh cấm và các sửa đổi quy định liên quan đến thực phẩm của Malaysia, Việt Nam, Singapore, v.v.;

ii. tiếp đến là về điều kiện thú y và vệ sinh thú y có liên quan đến nhập khẩu gia cầm của thành viên như Philippines, Singapore, v.v.; về giới hạn chất gây ô nhiễm và giới hạn dư lượng trong thực phẩm của thành viên phát ra thông báo chủ yếu là Indonesia và Thái Lan; ngoài ra các yêu cầu về tiêu chuẩn và chứng nhận sản phẩm cũng được Myanmar và Philippines thông báo

iii. Về sức khỏe động vật, bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi và dịch cúm gia cầm H5, việc tạm ngừng nhập khẩu động vật sống và thịt từ các vùng hoặc quốc gia cụ thể nhất là Philippines, Thái Lan, v.v.

Năm 2020, Trung Quốc thông báo với WTO 51 thông báo, về số lượng thông báo là tăng

54,5% so với 2019, trong đó nhiều nhất vẫn là các biện pháp kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm 45 thông báo, và 01 thông báo về bổ sung một số loài gây hại thực vật, 01 thông báo khẩn về bảo hộ con người khỏi các loài động, thực vật gây hại khác (covid-19), 04 biện pháp về quản lý giám sát xuất nhập khẩu. Thực tế cho thấy các biện pháp thông báo phòng ngừa dịch Covid 19 của Trung Quốc đối với các sản phẩm nhập khẩu có tác động không nhỏ đến hoạt động xuất khẩu của các đối tác thương mại với nước này, cụ thể Trung Quốc áp dụng một số các biện pháp nghiêm ngặt ngăn chặn sự lây truyền của Covid 19 như yêu cầu khử trùng khi thực hiện nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm đông lạnh, thực phẩm bảo quản lạnh, việc này làm tăng chi phí giá thành sản phẩm bởi sản phẩm phải chịu thêm các loại chi phí như khử trùng, bảo quản, và các sản phẩm bảo quản lạnh theo chuỗi của Việt Nam cũng chịu không ít ảnh hưởng từ các biện pháp này khi thực hiện nhập khẩu vào quốc gia này trong năm 2020.

Ở một chiều khác, về tổng thể thì hoạt động thương mại xuất khẩu của Trung Quốc sang các nước ASEAN bị ảnh hưởng bởi các biện pháp kỹ thuật trong thương mại của các khối này tương đối nhỏ, nhưng nhân tố tác động đến tình hình thương mại quốc tế rất phức tạp và liên tục thay đổi, Các biện pháp kỹ thuật thương mại đối với các sản phẩm có nguy cơ bệnh truyền nhiễm và các bệnh cực rủi ro đang tăng dần, do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm liên quan tăng cường quan tâm thường xuyên đến các mặt hàng có bệnh truyền nhiễm và bệnh cực kỳ nguy hiểm, bám sát mối quan tâm của các nước ASEAN đối với các chính sách xuất nhập khẩu và các yêu cầu đối với các sản phẩm đó để tránh rủi ro.

Nguồn: TT NCDT biện pháp kỹ thuật trong thương mại Asian -Trung Quốc, Trung tâm thông báo và tư vấn WTO/TBT-SBS Trung Quốc



EU THÔNG BÁO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHO PHÉP CHIẾT XUẤT CHẤT GIÀU LUTEIN VÀ LUTEIN/ ZEAXANTHIN TỪ TAGETES ERECTA LÀM PHỤ GIA THỨC ĂN CHO GIA CẦM

Nguyễn Ngọc Bách

Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 17/3/2021, EU đưa ra thông báo số G/SPS/N/EU/ có nội dung liên quan đến việc cho phép chất chiết xuất giàu Lutein và Lutein/ Zeaxanthin từ Tagetes erecta làm phụ gia thức ăn cho gia cầm (trừ gà tây).

Ngày 03/4/2019 Cơ quan An toàn thực phẩm Châu Âu đưa ra thông báo về các quy định đối với mức sử dụng được đề xuất dành cho thức ăn hỗn hợp có chứa các chất chiết xuất giàu Lutein và Lutein/Zeaxanthin ở mức độ an toàn đối với gia cầm (trừ gà tây) và gia cầm con non nhằm mục đích vỗ béo cũng như để dễ lấy trứng là tối đa không quá 80 mg tổng số carotenoid/kg thức ăn hỗn hợp.



Cụ thể, Quy định (EC) số 1831/2003 có nội dung về việc cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong thành phần dinh dưỡng dành cho động vật và các cơ sở, thủ tục để được cấp phép đối với các thành phần đó. Tại Điều 10 (2) của Quy định (EC) số 1831/2003 từng đề cập tới việc đánh giá lại các chất phụ gia được ủy quyền theo Chỉ thị của Hội đồng 70/524/EEC và Điều 4 về việc cho phép sử dụng các loại phụ gia mới. Các chất chiết xuất giàu lutein và lutein / zeaxanthin từ Tagetes erecta đã được Quy định thực thi của Ủy Ban (EU) 2020/1097 cho phép sử dụng các thành phần có chứa chiết xuất giàu lutein và lutein / zeaxanthin từ Tagetes

erecta làm phụ gia thức ăn cho gia cầm (trừ gà tây), các loài gia cầm nhỏ nhằm mục đích vỗ béo và đẻ trứng. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu qua đó đã đưa ra ý kiến kết luận của mình vào ngày 3 tháng 4 năm 2019 rằng mức sử dụng được đề xuất tối đa là 80 mg tổng số carotenoid/kg thức ăn hỗn hợp đối với các chất chiết xuất giàu lutein và lutein / zeaxanthin là an toàn để dành cho gia cầm với các mục đích nêu trên. Tuy nhiên do có sự nhầm lẫn nên trong tiêu đề của cột thứ sáu và thứ bảy của Phụ lục về Quy định thực thi (EU) 2020/1097 đã đề cập đến cụm từ “mg hoạt chất của kg thức ăn hoàn chỉnh có độ ẩm 12%”. Sau khi đánh giá Cơ quan chức năng nhận thấy rằng tham chiếu trên là không chính xác vì ý kiến của EFSA đề cập ở đây muốn ám chỉ tới “tổng số carotenoid”. Vì vậy cần có sự sửa tiêu đề để phù hợp đối với cột thứ sáu và thứ bảy của bảng trong Phụ lục của Quy định thực thi đó để phản ánh đúng thuật ngữ xuất hiện trong ý kiến của EFSA được công bố vào ngày 03/4/2019. Các tham chiếu liên quan đến “gia cầm với mục đích vỗ béo (trừ gà tây)” và “gia cầm để đẻ trứng, (trừ gà tây)” đã được sửa đổi thành “gà đẻ vỗ béo” và “gà đẻ trứng”.

Thay đổi này sẽ không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi các danh mục động vật hiện có và đã được phép áp dụng vì thuật ngữ “gia cầm”

bao gồm cả gà tây để đẻ và vỗ béo. Vì vậy, việc sử dụng trực tiếp gà vỗ béo và gà đẻ sẽ thích hợp hơn để phân biệt.

Ngoài ra, ý kiến của EFSA cho rằng trong chăn nuôi gia cầm con non mức tối đa không được vượt quá 50 mg tổng số carotenoid / kg thức ăn hỗn hợp. Khi xem xét đánh giá tối tiềm năng độc hại của zeaxanthin đối với sinh sản, có ý kiến của EFSA cho rằng, kể từ khi nuôi còn non sẽ không phân biệt giữa đẻ và chăn nuôi thông thường vì vậy không thể loại trừ việc phụ gia có trong khẩu phần ăn cho gà đẻ sẽ gây ảnh hưởng tới gia cầm mới được sinh. Do có một vài sai sót, bảng trong Phụ lục về Quy định Thực hiện (EU) 2020/1097 đã đặt mức tối đa của carotenoid của chiết xuất lutein / zeaxanthin cho gia cầm (trừ gà tây) và gia cầm nhỏ để vỗ béo và nuôi để đẻ trứng với tổng số giới hạn là 50mg carotenoid/kg thức ăn, trong khi thực ra mức này chỉ nên áp dụng cho gia cầm nhỏ nuôi để đẻ trứng nhằm ngăn chặn bất kỳ hành vi lạm dụng nào trên động vật giống. Các loại gia cầm còn lại phải có mức sử dụng tối đa là 80 mg tổng số carotenoid / kg thức ăn hỗn hợp.

Quy định mới này sẽ có hiệu lực đối với các chế phẩm dùng trong dinh dưỡng động vật (Mã HS: 2309) và được áp dụng đối với tất cả các đối tác thương mại của Liên minh Châu Âu.

NHẬT BẢN ĐƯA RA THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHO PHÉP COPOLYMER TỪ VINYLIMIDAZOLE/ VINYLPYRROLIDONE LÀM PHỤ GIA THỰC PHẨM

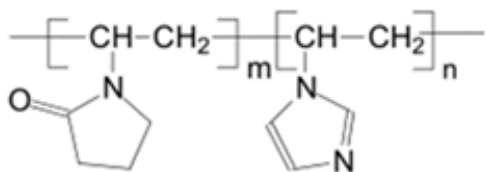
Thông báo có nội dung cho biết việc dự kiến cho phép chất Copolymer của Vinylimidazole / Vinylpyrrolidone làm phụ gia thực phẩm và thiết lập các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn (đã được đề xuất trong thông báo số G/SPS/N/JPN/810 (ngày 4 tháng 12 năm 2020) đã được thông qua và công bố vào ngày 15 tháng 1 năm 2021 vừa qua.

Nguyễn Ngọc Bách

Văn phòng SPS Việt Nam

**Ngày 18/03/2021, Nhật Bản
thông báo số G/SPS/N/JPN/810/
Add.1 về việc sửa đổi Pháp lệnh
thực thi Đạo luật Vệ sinh thực
phẩm và các thông số kỹ thuật
và tiêu chuẩn cho thực phẩm,
phụ gia thực phẩm (quy tắc
chính thức).**

Copolymer của Vinylimidazole / Vinylpyrrolidone

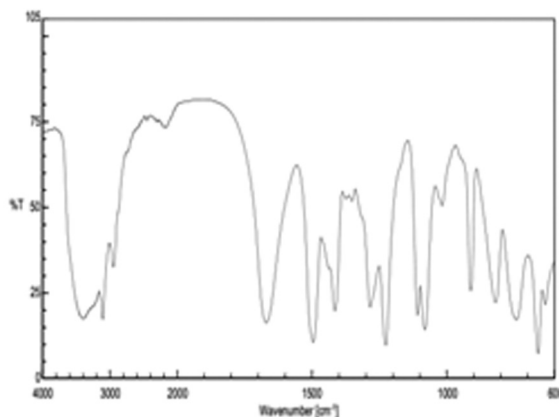


Trước đó vào ngày 04/12/2020 Nhật Bản đã đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/810 về dự thảo các yêu cầu nhằm hướng tới cho phép sử dụng Copolymer từ Vinylimidazole / Vinylpyrrolidone như một chất phụ gia thực phẩm. Theo đó dựa vào yêu cầu của Bộ trưởng, Ủy ban về Phụ gia thực phẩm thuộc Vụ Dược phẩm và Hội đồng Vệ sinh thực phẩm đã thảo luận về tính đầy đủ của việc chỉ định Copolymer của Vinylimidazole / Vinylpyrrolidone làm phụ gia thực phẩm. Kết luận sau cùng dẫn đến Chính phủ Nhật Bản cho phép sử dụng chất này làm chất phụ gia thực phẩm cùng với đó thiết lập các thông số kỹ thuật thành phần và tiêu chuẩn sử dụng cho phụ gia này.

Cụ thể trong văn bản có nội dung về các quy định đối với chất này có định nghĩa “Copolymer của Vinylimidazole / Vinylpyrrolidone được tạo ra bằng cách trùng hợp của 1-vinylimidazole và 1-vinyl-2-pyrrolidone với tỷ lệ 9: 1 với sự xúc tác của chất tạo liên kết chéo 1,3-divinylimidazolin-2-one ở mức dưới 2%”, được miêu tả có dạng bột màu trắng vàng. Tiêu chuẩn sử dụng của chất này được nêu rõ: chất này được phép sử dụng trong nước ép nho với mục đích duy nhất để sản xuất rượu nho và vang nho, theo đó mức cho phép được sử dụng là không quá 0,50 g/L trong rượu nho làm chất đồng trùng hợp của vinylimidazole/vinylpyrrolidone. Cùng với đó là yêu cầu phải loại bỏ hoàn toàn chất này trước khi hoàn thành sản phẩm cuối cùng đưa ra thị trường. Văn bản quy định phương pháp nhận biết chất này nêu rõ cần xác định phổ hấp thụ của Copolymer theo

chỉ dẫn bằng phương pháp đĩa dưới tia hồng ngoại, sau đó đo quang phổ và so sánh với phổ tham chiếu có sẵn. Cả hai quang phổ thể hiện cường độ hấp thụ phải tương tự nhau ở cùng số sóng.

Đối với quy định về độ tinh khiết, văn bản có quy định rằng: Chì không được quá 2 µg/g; Asen không được quá 2 µg/g; các chất hòa tan trong nước Không được quá 0,5%; Axit axetic / các chất hòa tan trong etanol không được quá 1%; tạp chất hữu cơ bao gồm: Imidazole không quá 50 µg/g, 1,3-Divinylimidazolin-2-one Không được quá 2 µg/g, 1-Vinylimidazole không được quá 10 µg/g, 1-Vinyl-2-pyrrolidone Không được quá 5 µg/g, 2-Pyrrolidone Không được quá 50 µg/g.



Phổ tham chiếu hồng ngoại đối với Copolymer của Vinylimidazole / Vinylpyrrolidone.

Ngoài ra văn bản cũng quy định chi tiết về phương pháp thử mẫu; các biện pháp kiểm soát; quy trình phân tích; cơ chế hoạt động; hàm lượng tiêu hao khi sấy khô, quy tắc tiến hành thực hiện khảo nghiệm; các loại thuốc thử, dung môi và các nguyên liệu tham khảo khác, phổ tham chiếu hồng ngoại đối với Copolymer của Vinylimidazole / Vinylpyrrolidone.

Quy định mới này sẽ được áp dụng đối với tất cả các đối tác thương mại của Nhật Bản.





ÚC THÔNG BÁO VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP ĐỐI VỚI MỘT CỨNG ĐỐT (KHAPRA)

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam

Vào ngày 4 tháng 8 năm 2020, Úc đã ban hành thông báo SPS (G/SPS/N/AUS/502) cho các đối tác thương mại về việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo vệ nước Úc trước sự xâm nhập và lây lan của một cứng đốt khapra (*Trogoderma granarium*).

Theo thông báo số G/SPS/N/AUS/502/Add.5, ngày 21/12/2020, các biện pháp mới đối với container đường biển sẽ được thực hiện theo hai giai đoạn:

- Xử lý bắt buộc ngoài khơi đối với các container vận tải bằng đường biển có rủi ro (bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2021);
- Các biện pháp mới đối với các container vận tải bằng đường biển có độ rủi ro cao (dự kiến bắt đầu vào cuối năm 2021).

Như đã thông báo số G/SPS/N/AUS/502/Add.6, ngày 10/2/2021, việc thực hiện giai đoạn 6A của các biện pháp khẩn cấp sẽ bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2021. Giai đoạn 6A sẽ đưa ra các yêu cầu xử lý bắt buộc ngoài khơi đối với các container đường biển có rủi ro.

Để hỗ trợ các bên liên quan chuẩn bị cho việc thực hiện giai đoạn 6A, một trang web cụ thể phác thảo các biện pháp xử lý các container đường biển đã được công bố, truy cập tại: <https://www.agosystemure.gov.au/pests-diseases-weeds/plant/khapra-beetle/sea-containermeasures>.

Trang web bao gồm thông tin mới hoặc cập nhật về các thành phần sau của các biện pháp khẩn cấp giai đoạn 6A:

- Ngày thực hiện;
- Các lựa chọn xử lý, tỷ lệ và yêu cầu;
- Các nhà cung cấp biện pháp xử lý được chấp thuận;
- Yêu cầu chứng nhận xử lý;
- Lưu ý rằng, mặc dù các biện pháp này sẽ bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2021, ngày bắt đầu sẽ bị thay đổi tùy thuộc vào loại container có rủi ro.

Lưu ý: Việc không tuân thủ các yêu cầu này sẽ ảnh hưởng đến việc xuất khẩu container khi đến Úc.

Thông tin thêm về các biện pháp khẩn cấp đối với container đường biển có thể được tìm thấy trên trang web để bảo vệ khỏi một cứng đốt khapra (*Trogoderma granarium*).

Thông báo SPS này sẽ được công bố để thông báo các biện pháp và ngày thực hiện cho các giai đoạn tiếp theo. Các điều kiện nhập khẩu hoàn chỉnh và chi tiết liên quan đến các biện pháp sẽ được nêu trong hệ thống điều kiện nhập khẩu an toàn sinh học (BICON) trước ngày thực hiện.

Để hỗ trợ các nhà cung cấp dịch vụ xử lý đáp ứng các yêu cầu mới về một cứng đốt khapra đối với việc xử lý ngoài khơi các container vận tải bằng đường biển có rủi ro, Úc đang tổ chức các buổi thông tin trực tuyến để cung cấp chi tiết hơn về các hình thức xử lý khác nhau và những thay đổi này sẽ ảnh hưởng thế nào đến các nhà cung cấp dịch vụ xử lý. Xin lưu ý rằng mỗi phiên sẽ bao gồm một hình thức xử lý khác nhau.

Các buổi cung cấp thông tin sẽ được tổ chức:

- Khử trùng bằng metyl bromua: 15:00 - 17:00 (AEDT), Thứ sáu, ngày 26 tháng 3 năm 2021;
- Xử lý nhiệt: 15:00 - 17:00 (AEDT), Thứ hai, ngày 29 tháng 3 năm 2021;
- Xử lý thuốc diệt côn trùng: 15:00 - 17:00 (AEDT), Thứ tư, ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Các buổi thông tin sẽ bao gồm:

- Các biện pháp xử lý một cứng đốt Khapra cho container vận tải bằng đường biển;
- Các chương trình đảm bảo xử lý ngoài khơi hiện có của Úc (Chương trình công nhận khử trùng của Úc và Chương trình nhà cung cấp xử lý Bọ xít nâu ngoài khơi) sẽ được sử dụng như thế nào;

- Các yêu cầu của phương pháp xử lý của Úc áp dụng như thế nào đối với việc xử lý các container vận tải bằng đường biển.

Úc sẽ đánh giá cao nếu các đối tác thương mại có thể khuyến khích các nhà cung cấp dịch vụ xử lý của họ tham gia các buổi cung cấp thông tin. Đăng ký tham dự qua: <https://khapra-containers-treatment-informationsessions.eventbrite.com.au>.

Nếu đối tác thương mại muốn tham dự một hoặc nhiều buổi học nhưng không thấy thời gian phù hợp, vui lòng gửi email tới địa chỉ:

Offshoretreatments@agosystemure.gov.au để ghi nhận sự quan tâm của đối tác trong các buổi học sắp tới. Vui lòng cho biết bạn quan tâm đến phương pháp xử lý nào và múi giờ phù hợp của bạn, Úc sẽ sử dụng thông tin này khi lập kế hoạch cho bất kỳ sự kiện nào trong tương lai.

Các câu hỏi và thông tin liên quan trực tiếp đến các phương pháp xử lý một cứng đốt khapra ngoài khơi, vui lòng gửi email tới địa chỉ offshoretreatments@agosystemure.gov.au;

Để biết thêm thông tin về các hành động khẩn cấp, hãy truy cập: <http://awe.gov.au/khapra-containers>

<http://awe.gov.au/khapra-urgent-actions>.

Thông tin liên hệ: 1800 900 090 hoặc qua email tại import@agosystemure.gov.au (vui lòng đặt tiêu đề cho dòng tiêu đề của email là “Plant Tier 2 - Các hành động khẩn cấp khapra”).



ĐÀI LOAN - TRUNG QUỐC: DỰ THẢO “QUY ĐỊNH CHO PHÉP NHẬP KHẨU CÁC MẶT HÀNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH”

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam



Cục Bảo vệ và kiểm tra sức khỏe Động Thực vật, Hội đồng nông nghiệp Đài Loan ra thông báo số G/SPS/N/TPKM/566, ngày 31/3/2021: Các sản phẩm thuộc diện kiểm dịch được chỉ định chỉ được phép nhập khẩu cho mục đích sử dụng thí nghiệm, nghiên cứu, giáo dục hoặc triển lãm. Dự thảo được thiết lập theo khoản 4 Điều 15 của “Đạo luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật”. Quy định các yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu các sản phẩm được chỉ định theo quy định bao gồm: cho mục đích thí

nghiệm, nghiên cứu, giáo dục hoặc triển lãm; lưu trữ hợp pháp các sản phẩm được sử dụng để sản xuất sản phẩm không có nguy cơ dịch hại; tác nhân thụ phấn hoặc tác nhân phòng trừ sinh học dùng để thụ phấn trên đồng ruộng hoặc phòng trừ sinh học đã được cơ quan có thẩm quyền ở trung ương thẩm định và phê duyệt; và phù hợp với các mục đích cụ thể khác được cơ quan có thẩm quyền trung ương thông báo công khai. Nội dung sửa đổi là:

- a.** Hồ sơ yêu cầu của người nhập khẩu đối với việc xin nhập khẩu các mặt hàng được chỉ định theo quy định;
- b.** Các vấn đề liên quan về đánh giá rủi ro đối với việc nhập khẩu các tác nhân thụ phấn và các tác nhân kiểm soát sinh học được sử dụng để thụ phấn đồng ruộng hoặc kiểm soát sinh học;
- c.** Ban hành các vấn đề liên quan đến việc không nộp hồ sơ hoặc hồ sơ đã nộp có thông tin không phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thích hợp;
- d.** Các yêu cầu để thực hiện xác minh tại chỗ địa điểm kiểm dịch sau nhập cảnh;
- d.** Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu và yêu cầu xin phê duyệt để kéo dài thời hạn đã được phê duyệt của các mặt hàng được thiết kế theo quy định hoặc các dẫn xuất của chúng;
- e.** Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu và yêu cầu xin phê duyệt để kéo dài thời hạn đã được phê duyệt của các mặt hàng được thiết kế theo quy định hoặc các dẫn xuất của chúng;
- f.** Khi nhập khẩu các vật phẩm được chỉ định theo quy định, phải kèm theo giấy phép nhập khẩu để nộp đơn cho cơ quan kiểm dịch thực vật;
- g.** Các yêu cầu chia sẻ và chia sẻ lại các bài báo được thiết kế theo quy định hoặc các dẫn xuất của chúng cho người dùng trong thời gian sử dụng đã được phê duyệt;
- h.** Các biện pháp kiểm soát an toàn sau khi các mặt hàng được quản lý được chỉ định hoặc các dẫn xuất của chúng được chấp thuận để nhập khẩu hoặc chia sẻ;

- i.** Yêu cầu đối với việc cử đại diện kiểm tra tình trạng kiểm soát của khu vực kiểm dịch sau nhập cảnh và sự xuất hiện của sinh vật gây hại;
- j.** Các biện pháp sẽ được thực hiện trong trường hợp các sản phẩm được chỉ định và các dẫn xuất của chúng sau ngày hết hạn, kết thúc sử dụng hoặc vi phạm các biện pháp an toàn;
- k.** Số tham chiếu của giấy phép nhập khẩu phải được đưa vào các báo cáo liên quan hoặc công việc bằng văn bản của người nhập khẩu hoặc người sử dụng.

CANADA ĐỀ XUẤT MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA DƯ LƯỢNG: SPINOSAD VÀ NOVALURON

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/CAN/1377 và G/SPS/N/CAN/1378, ngày 19/3/2021, Canada muốn tham vấn ý kiến trong và ngoài nước về giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với spinosad (Bảng 1) và novaluron (Bảng 2) đã được cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất, cụ thể như sau:

MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
3,5	Ngọn bạc hà

Bảng 1. Đề xuất MRLs đối với spinosad
¹ppm = phần triệu



MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
0,15	Rễ cây cần tây và rễ cây mùi tây

Bảng 2. Đề xuất MRLs đối với novaluron
¹ppm = phần triệu



NAM PHI THÔNG BÁO VIỆC SỬ DỤNG GIẤY IN A4 THÔNG THƯỜNG KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT



TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam

Tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia Nam Phi (NPPOZA) sẽ ngừng sử dụng giấy gốc cho giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ được in trên giấy in A4 thông thường. Các đối tác thương mại cần lưu ý rằng Nam Phi sẽ ngừng sử dụng giấy gốc có các tính năng bảo mật trong thương mại quốc tế. Sau đây là các đặc điểm của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ được in trên giấy A4 thông thường:

1. Giấy chứng nhận có số sê-ri và số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Ở góc trên cùng bên phải có một mã vạch với số sê-ri;
2. Có mã vạch và mã QR thứ hai như một tính năng bảo mật bổ sung;
3. Số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất hiện giữa mã QR và mã vạch. Đây là con số được sử dụng trong bất kỳ cuộc trao đổi nào liên quan đến giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đã được cấp;
4. Số kiểm dịch thực vật mới bắt đầu bằng NPPOZA/yyyy/mm/number;
5. Chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử sẽ chỉ chứa số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật mới.

Lưu ý: Từ ngày 1 tháng 4 năm 2021, NPPOZA sẽ in giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật trên giấy A4 thông thường. Các đối tác thương mại có khả năng xác minh các giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đã được chứng nhận bằng cách sử dụng trang website: <https://app.ecert.co.za/VerifyCertificate/ExternalVerification>

ÚC: KHỞI ĐỘNG LUẬT XUẤT KHẨU NÔNG SẢN MỚI

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam



Chính phủ Úc đang chuẩn bị áp dụng khung pháp lý mới cho xuất khẩu nông sản. Luật xuất khẩu mới có hiệu lực vào ngày 28 tháng 3 năm 2021 bao gồm:

- Đạo luật kiểm soát xuất khẩu 2020 (Đạo luật) đặt ra khuôn khổ pháp lý bao trùm để quản lý hàng hóa xuất khẩu bao gồm thực phẩm và nông sản từ Úc;

- Quy tắc kiểm soát xuất khẩu 2021 (Quy tắc) là công cụ lập pháp đặt ra các yêu cầu hoạt động phải đáp ứng để xuất khẩu các mặt hàng cụ thể từ Úc (ví dụ: thịt). Các quy tắc phải được áp dụng cùng với Đạo luật;

Luật mới hợp lý hóa và hợp nhất các yêu cầu liên quan đến xuất khẩu hiện có trong hơn 20 Đạo luật và 40 điều luật được ủy quyền. Những lợi ích của luật mới bao gồm:

- Phù hợp hơn, đáp ứng và hiệu quả hơn cho các nhà xuất khẩu, nông dân và các nhà sản xuất chính khác;

- Đưa ra quy định mạnh mẽ, đồng thời loại bỏ sự trùng lặp và đảm bảo tính nhất quán giữa các mặt hàng nếu có thể;

- Làm rõ và đơn giản hóa các yêu cầu quy định, chẳng hạn như những yêu cầu liên quan đến các viên chức có thẩm quyền.;

Nó cũng sẽ tiếp tục đảm bảo:

- Hàng hóa xuất khẩu đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu;

- Tuân thủ các tiêu chuẩn

của chính phủ và các ngành liên quan;

- Truy xuất nguồn gốc thông qua chuỗi cung ứng xuất khẩu nếu được yêu cầu;

- Tính toàn vẹn của hàng hóa và độ chính xác của các mô tả thương mại được áp dụng và dán nhãn chính thức.

Các thay đổi này sẽ không dẫn đến bất cứ thay đổi nào đối với cam kết của Úc trong việc đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu của các đối tác thương mại của Úc và luật pháp được cải thiện sẽ tiếp tục đáp ứng các nghĩa vụ quốc tế của Úc, bao gồm các nghĩa vụ theo Hiệp định SPS.



DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO TRONG THÁNG 3/2021

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/USA/3232	Hoa Kỳ	01/3/2021	Dự thảo dư lượng thuốc trừ sâu chất tetraniliprole. Quy tắc cuối cùng
2	G/SPS/N/USA/3231	Hoa Kỳ	01/3/2021	Biên nhận một số kiến nghị về tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc kiến nghị và đề nghị góp ý
3	G/SPS/N/USA/3230	Hoa Kỳ	01/3/2021	Biên nhận một số kiến nghị về tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc kiến nghị và đề nghị góp ý
4	G/SPS/N/UKR/145/Add.1	Ukraine	01/3/2021	Cập nhật dự thảo Sắc lệnh của Bộ Phát triển Kinh tế, Thương mại và Nông nghiệp Ukraine “Về việc phê duyệt thủ tục và các yêu cầu đặc biệt đối với ghi nhãn và danh mục thực phẩm bắt buộc phải ghi rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc nơi xuất xứ”
5	G/SPS/N/KEN/142	Kenya	02/3/2021	Quy định kỹ thuật số DKS 2934:2021 sữa không chứa lactose.
6	G/SPS/N/EU/462	Liên minh Châu Âu	02/3/2021	Quyết định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/361 ngày 22 tháng 2 năm 2021 đặt ra các biện pháp khẩn cấp đối với các hoạt động di chuyển giữa các quốc gia thành viên và việc xâm nhập vào Liên minh các lô hàng kỳ không liên quan đến việc nhiễm vi khuẩn <i>Batrachochytrium salamandrivorans</i>
7	G/SPS/N/KEN/143	Kenya	3/3/2021	Quy định kỹ thuật số DKS 1756: 2021 sữa có hương vị
8	G/SPS/N/CHN/1202	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm cyanocobalamin hydrochloride
9	G/SPS/N/CHN/1201	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm khử Sắt
10	G/SPS/N/CHN/1200	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm natri molybdate

11	G/SPS/N/CHN/1199	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng canxi glycerophosphat.
12	G/SPS/N/CHN/1198	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm mangan clorua
13	G/SPS/N/CHN/1197	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm Đồng Carbonat.
14	G/SPS/N/CHN/1196	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm ferrous citrate.
15	G/SPS/N/CHN/1195	Trung Quốc	05/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm L-carnitine tartrate
16	G/SPS/N/KOR/708	Republic of Korea	08/3/2021	Đề xuất sửa đổi “Đạo luật về dán nhãn và quảng cáo thực phẩm”
17	G/SPS/N/CHN/1206	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Nuôi cấy vi sinh vật thực phẩm
18	G/SPS/N/CHN/1205	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Giới hạn fluoride trong trà nén và các sản phẩm của nó
19	G/SPS/N/CHN/1204	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Tinh bột ăn được.
20	G/SPS/N/CHN/123	Trung Quốc	08/3/2021	“Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Chất bổ sung dinh dưỡng thực phẩm vitamin C magiê photphat”
21	G/SPS/N/CHN/1159/Add.1	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Thực hành sản xuất tốt công thức bột cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ
22	G/SPS/N/CHN/1066/Add.1	Trung Quốc	08/3/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Quy tắc thực hành vệ sinh đối với thịt nấu chín
23	G/SPS/N/CAN/1358/Corr.1	Canada	08/3/2021	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho pydiflumetofen: Điều chỉnh
24	G/SPS/N/ZAF/69/	Nhật Bản	15/02/2021	Việc sử dụng giấy in A4 thông thường khi cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

25	G/SPS/N/EU/463	Liên minh Châu Âu	09/3/2021	Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/363 ngày 26 tháng 2 năm 2021 liên quan đến việc cho phép điều chế fumonisin esterase được sản xuất bởi Komagataella phaffii DSM 32159 như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
26	G/SPS/N/BRA/1901	Brazil	09/3/2021	Dự thảo thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống (nhóm 4, phân lớp 3) của ớt và hạt tiêu (Capsicum annum), từ bất kỳ nguồn nào, ngoại trừ các nước thành viên của MERCOSUR
27	G/SPS/N/BRA/1684/Add.2	Brazil	09/3/2021	Chỉnh sửa Nghị quyết - RDC số 466, ngày 10 tháng 2 năm 2021
28	G/SPS/N/BRA/1527/Add.3	Brazil	09/3/2021	Điều chỉnh Chỉ thị số 51, ngày 19 tháng 11 năm 2019
29	G/SPS/N/AUS/502/Add.7	Úc	09/3/2021	Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đốt (Khapra) - thông tin thêm về các biện pháp container đường biển hiện có sẵn trực tuyến
30	G/SPS/N/UGA/146	Uganda	10/3/2021	DUS 2245: 2020, an toàn thực phẩm - Các yêu cầu, bản dự thảo đầu tiên
31	G/SPS/N/CAN/1244/Add.11	Canada	10/3/2021	Ra lệnh áp đặt các điều kiện liên quan đến các khu vực kiểm soát thứ cấp đối với bệnh dịch tả lợn Châu Phi
32	G/SPS/N/USA/3235	Hoa Kỳ	15/3/2021	Dư lượng thuốc trừ sâu picarbutrazox. Quy tắc cuối cùng
33	G/SPS/N/USA/3234	Hoa Kỳ	15/3/2021	Dư lượng thuốc trừ sâu quizalofop ethyl. Quy tắc cuối cùng
34	G/SPS/N/USA/3233	Hoa Kỳ	15/3/2021	Dư lượng thuốc trừ sâu fthiindapyr. Quy tắc cuối cùng
35	G/SPS/N/GBR/6	Vương quốc Anh	15/3/2021	Dự thảo mức dư lượng tối đa (MRLs) dimethoate và omethoate, điều chỉnh sửa đổi
36	G/SPS/N/EU/466	Liên minh Châu Âu	15/3/2021	Quy định của Ủy ban (EU) sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức dư lượng tối đa của cadmium trong một số loại thực phẩm
37	G/SPS/N/EU/465	Liên minh Châu Âu	15/3/2021	Dự thảo Quy định của Ủy ban (EU) sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức chi tối đa trong một số loại thực phẩm
38	G/SPS/N/EU/464	Liên minh Châu Âu	15/3/2021	Đề xuất về Quy định của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng sửa đổi Quy định (EU) 2017/625 liên quan đến các biện pháp kiểm soát chính thức đối với động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật xuất khẩu từ các nước thứ ba sang Liên minh để đảm bảo tuân thủ việc cấm sử dụng một số chất kháng khuẩn.

39	G/SPS/N/KOR/709	Hàn Quốc	17/3/2021	Đề xuất sửa đổi quy định về đánh giá an toàn cho các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen
40	G/SPS/N/KOR/212/	Bra-xin	24/02/2021	Sửa đổi Danh sách Dịch hại Kiểm dịch
41	G/SPS/N/EU/470	Liên minh Châu Âu	17/3/2021	Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với 6-benzyladenine, aminopyralid và chlorantraniliprole trong hoặc trên một số sản phẩm
42	G/SPS/N/EU/469	Liên minh Châu Âu	17/3/2021	Quy định thực thi của Ủy ban EU) 2021/426 ngày 10 tháng 3 năm 2021 sửa đổi Quy định thực thi (EU) số 1263/2011 liên quan đến việc cho phép lactococcus lactis (NCIMB 30160) làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
43	G/SPS/N/EU/468	Liên minh Châu Âu	17/3/2021	Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2021/421 ngày 9 tháng 3 năm 2021 liên quan đến việc cấp phép côn thuốc chiết xuất từ Artemisia vulgaris L. (cỏ ngải cứu) làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
44	G/SPS/N/EU/467	Liên minh Châu Âu	17/3/2021	Quy định thực thi của Ủy ban số 2021/420 ngày 9 tháng 3 năm 2021 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2020/1097 liên quan đến việc cho phép chiết xuất giàu lutein và lutein / zeaxanthin từ Tagetes erecta làm phụ gia thức ăn cho gia cầm (trừ gà tây)
45	G/SPS/N/CAN/1370/	Đài Loan	25/02/2021	Điều chỉnh giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho Difenconazole
46	G/SPS/N/TZA/104	Tanzania	18/3/2021	AFDC 23 (364) CD3: Cá có vây đóng hộp - Đặc điểm kỹ thuật
47	G/SPS/N/TZA/102	Tanzania	18/3/2021	AFDC 23 (355) CD3: Cá mòi chiên - Đặc điểm kỹ thuật
48	G/SPS/N/TZA/101	Tanzania	18/3/2021	AFDC 23 (346) CD3: Cá mòi khô - Đặc điểm kỹ thuật
49	G/SPS/N/TPKM/564	Đài Loan Trung Quốc	18/3/2021	Dự thảo sửa đổi các tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm
50	G/SPS/N/CHL/669	Chi lê	18/3/2021	Phân loại các sản phẩm có nguồn gốc thực vật theo nguy cơ dịch hại, ảnh hưởng tiềm ẩn của chúng đối với sức khỏe động vật, các yêu cầu quản lý sản phẩm hữu cơ và các biện pháp kiểm soát biên giới đối với các sản phẩm đó và bãi bỏ Nghị quyết số 3.589 năm 2012

51	G/SPS/N/EU/472	Liên minh Châu Âu	19/3/2021	Dự thảo quy định của Ủy ban châu Âu (EU) sửa đổi Phụ lục II và III của quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với flupyradifurone và axit difluoroacetic trong hoặc trên các sản phẩm nhất định
52	G/SPS/N/EU/471	Liên minh Châu Âu	19/3/2021	Dự thảo quy chế thực hiện của Ủy ban liên quan đến việc không gia hạn phê duyệt hoạt chất famoxadone, theo quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng liên quan đến việc đưa sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường và sửa đổi quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011
53	G/SPS/N/CAN/1378	Canada	19/03/2021	Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa: Spinosad (PMRL2021-07)
54	G/SPS/N/CAN/1377	Canada	19/3/2021	Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa: Novaluron (PMRL2021-06)
55	G/SPS/N/RUS/218	Liên Bang Nga	22/3/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo sửa đổi danh mục hàng hóa thông thường phải kiểm soát thú y (giám sát) và Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo sửa đổi quy định các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y (giám sát).
56	G/SPS/N/RUS/217	Liên Bang Nga	22/3/2021	Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo sửa đổi quyết định của Ủy ban Liên minh hải quan ngày 7 tháng 4 năm 2011 số 607
57	G/SPS/N/MYS/49	Malaysia	22/3/2021	Sửa đổi biểu thứ 25 của quy định thực phẩm năm 1985
58	G/SPS/N/KGZ/20	Kyrgyzstan	22/3/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo sửa đổi danh mục hàng hóa thông thường phải kiểm soát thú y (giám sát) và Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo sửa đổi quy định các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y (giám sát).
59	G/SPS/N/DEU/12	Đức	22/3/2021	Dự thảo sửa đổi Pháp lệnh thứ 22 về Pháp lệnh hàng tiêu dùng.
60	G/SPS/N/AUS/502/			Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đốt (Khapra) - Giai đoạn 6A: Các biện pháp mới đối với các container vận tải bằng đường biển
61	G/SPS/N/BRA/1914	Brazil	26/3/2021	Hướng dẫn quy phạm (Instru-ão Normativa) số 5 ngày 15 tháng 3 năm 2021. Dừng biện pháp kiểm dịch động thực vật và tuyên bố bổ sung đối với loài thực vật Senecio vulgaris.

62	G/SPS/N/BRA/1925	Brazil	30/3/2021	Dự thảo Nghị quyết số 1027, ngày 11 tháng 3 năm 2021, về thành phần hoạt chất A11 - AMETRINA (ametryn) của danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Resolution - RE n - 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União) ngày 2 tháng 9 năm 2003
63	G/SPS/N/USA/3237	Hoa Kỳ	31/3/2021	Biên nhận đơn yêu cầu thuốc bảo vệ thực vật được nộp cho dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa khác nhau vào tháng 3 năm 2021. Thông báo về việc nộp và đề nghị góp ý.
64	G/SPS/N/UKR/159	Ukraine	31/3/2021	Dự thảo Luật của Ukraine “về bảo vệ thực vật”
65	G/SPS/N/TZA/106	Tanzania	31/3/2021	AFDC 19 (288) CD3 Đặc điểm kỹ thuật - Hạt rang hỗn hợp
66	G/SPS/N/TZA/105	Tanzania	31/3/2021	AFDC 19 (287) CD3 Đặc điểm kỹ thuật - Đậu phộng bọc
67	G/SPS/N/TPKM/566	Đài Loan	31/3/2021	Dự thảo của “Quy định cho phép nhập khẩu các mặt hàng được chỉ định thuộc diện kiểm dịch”
68	G/SPS/N/KAZ/86	Kazakhstan	31/3/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo Quyết định về việc sửa đổi Phần I của Danh mục sản phẩm đã qua kiểm dịch (sản phẩm đã qua kiểm dịch, vật liệu đã qua kiểm dịch, hàng hoá đã qua kiểm dịch) thuộc diện kiểm dịch động thực vật (giám sát) tại biên giới hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu và trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu.
69	G/SPS/N/KAZ/85	Kazakhstan	31/3/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo Quyết định về việc sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch thực vật thông thường đối với các sản phẩm kiểm dịch và vật thể được kiểm dịch tại biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU).
70	G/SPS/N/EU/475	Liên minh Châu Âu	31/3/2021	Quy định thực thi của Ủy ban EU) 2021/507 liên quan đến việc gia hạn giấy phép sử dụng pyridoxine hydrochloride (vitamin B6) làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định thực thi (EU) số 515/2011

71	G/SPS/N/EU/474	Liên minh Châu Âu	31/3/2021	Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với imidacloprid trong hoặc trên các sản phẩm nhất định
72	G/SPS/N/EU/473	Liên minh Châu Âu	31/3/2021	Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với amisulbrom, flubendiamide, mepyldinocap, metaflumizone và propineb trong hoặc trên một số sản phẩm

2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/IDN/115/Add.1	Indonesia	09/3/2021	Quy định của cơ quan kiểm soát thực phẩm và dược phẩm quốc gia Indonesia (NADFC) số 22 năm 2016 liên quan đến yêu cầu sử dụng phụ gia tạo hương vị thực phẩm
2	G/SPS/N/JPN/724/Add.1	Nhật Bản	10/3/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)
3	G/SPS/N/JPN/716/Add.1	Nhật Bản	10/3/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)
4	G/SPS/N/JPN/699/Add.1	Ukraine	01/3/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)
5	G/SPS/N/TPKM/532/Add.1	Đài Loan	12/3/2021	Quy định đối với các giới hạn sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của astaxanthin được sản xuất bởi chủng escherichia coli biến đổi gen Ast12 như một thành phần thực phẩm
6	G/SPS/N/EGY/92/Add.2	Ai Cập	15/3/2021	Nghị định số 100/2019 cho phép các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp sáu tháng để tuân thủ các tiêu chuẩn của Ai Cập liên quan đến một số sản phẩm thực phẩm

7	G/SPS/N/EU/391/ Add.1	Liên minh Châu Âu	17/3/2021	Vệ sinh thực phẩm liên quan đến quản lý chất gây dị ứng thực phẩm, phân phối lại thực phẩm và văn hóa an toàn thực phẩm
8	G/SPS/N/CAN/1363/ Add.1	Canada	17/3/2021	Giới hạn dư lượng tối đa: Azoxystrobin
9	G/SPS/N/CAN/1358/ Add.1	Canada	17/3/2021	Giới hạn dư lượng tối đa: Pydiflumetofen
10	G/SPS/N/JPN/811/ Add.1	Nhật Bản	18/3/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)
11	G/SPS/N/JPN/810/ Add.1	Nhật Bản	18/3/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)
12	G/SPS/N/JPN/809/ Add.1	Nhật Bản	18/3/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng)
13	G/SPS/N/JPN/808/ Add.1	Nhật Bản	18/3/2021	Sửa đổi Sắc lệnh thực thi đạo luật vệ sinh thực phẩm và các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... (quy tắc cuối cùng)
14	G/SPS/N/JPN/782/ Add.1	Nhật Bản	18/3/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... (quy tắc cuối cùng)
15	G/SPS/N/JPN/781/ Add.1	Nhật Bản	18/3/2021	Sửa đổi Sắc lệnh thực thi đạo luật vệ sinh thực phẩm và các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... (quy tắc cuối cùng)
16	G/SPS/N/JPN/780/ Add.1	Nhật Bản	18/3/2021	Sửa đổi Sắc lệnh thực thi đạo luật vệ sinh thực phẩm và các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... (quy tắc cuối cùng)
17	G/SPS/N/TPKM/468/ Add.2	Đài Loan	22/3/2021	Sửa đổi các tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm

18	G/SPS/N/THA/326/ Add.1	Thái Lan	22/3/2021	Quy định một số thực vật, động vật các sản phẩm động hoặc thực vật bị cấm sử dụng làm thực phẩm
19	G/SPS/N/UKR/154/ Add.1	Ukraine	26/3/2021	Thông qua, công bố và tuyên bố có hiệu lực của Luật Ukraine “Về thuốc thú y”
20	G/SPS/N/JPN/826/ Add.1	Nhật Bản	30/3/2021	Sửa đổi “Pháp lệnh của Bộ trưởng về quy cách và tiêu chuẩn thức ăn và phụ gia thức ăn chăn nuôi” (Pháp lệnh số 35 ngày 24 tháng 7 năm 1976 của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp)
21	G/SPS/N/AUS/433/ Add.8	Úc	31/3/2021	Luật Xuất khẩu Nông sản - Khởi động Luật xuất khẩu nông sản mới của Úc

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

